

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2026/DS-ST

Ngày 23 - 01 - 2026

V/v: Tranh hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quảng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Công Bằng.

2. Bà Đặng Thị Thu

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị.

Ngày 23 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 80/2025/TLST - DS ngày 14 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2026/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Thùy D, sinh năm 1989; trú tại: Tổ dân phố 6, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Chị D vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn là: Ông Hoàng Hữu H, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn X, xã T, tỉnh Quảng Trị. Ông Hiền có mặt.

- **Bị đơn:** Chị Mai Thị L, sinh năm 1992; trú tại: Số 142B đường N, thôn Sa Động, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Chị Lan có mặt.

- **Người làm chứng:** Anh Trần Quốc L, sinh năm: 2000; trú tại: Thôn H, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Anh Long có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 22/9/2025, Đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung đề ngày 09/10/2025 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào khoảng năm 2020, chị Trần Thị Thùy D có vay Ngân hàng để mục đích cải tạo nhà ở nhưng chị Mai Thị L đề nghị mượn tiền và hai bên đã đồng ý tự nguyện thỏa thuận bằng miệng thực hiện việc mượn tiền, tổng số tiền chị L mượn của chị D là 400.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm triệu đồng chẵn*), hứa trả lại trong thời hạn 03 tháng. Sau thời hạn đó, chị Mai Thị L đã trả cho Trần Thị Thùy D số tiền 200.000.000 đồng. Còn lại 200.000.000đ chị L tiếp tục nợ chị D và các bên đã trả lãi cho nhau theo lãi suất 13,2%/năm đến 09/8/2024. Sau đó các bên lập giấy mượn tiền do chị Mai Thị L lập ngày 09/8/2024 (đây là văn bản chị L tự tay viết lại) với nội dung hẹn đến năm 2027 hoàn trả đủ số tiền trên cho chị D. Nhưng từ ngày 09/8/2024 đến nay, chị L chưa trả thêm cho D bất kỳ khoản nợ gốc và lãi nào. Do đó, chị D làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc:

- Chị Mai Thị L phải trả lại số tiền vay gốc là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu

đồng chặn).

- Yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả tiền lãi phát sinh quá hạn từ ngày 09/8/2024 đến khi trả hết nợ gốc. Lãi suất tính là 10%/năm, tính từ sau ngày 09/8/2024 cho đến nay.

** Tại bản tự khai đề ngày 17/11/2025, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị Mai Thị Lan trình bày:*

Thừa nhận sự việc các bên có vay mượn tiền trước đó, nhưng không lập giấy tờ và trả nợ được một phần số tiền gốc, lãi đến 09/8/2024, sau đó chị Mai Thị L có viết giấy mượn tiền lập ngày 09/8/2024 (đây là văn bản chị L tự tay viết lại) ghi nhận chị L còn nợ của chị D tổng số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng (*bằng chữ: hai trăm triệu đồng*). Tuy nhiên, sau đó hai bên đã gặp nhau trao đổi về việc trừ số tiền chị D còn nợ chị L, theo đó chị Lan còn nợ chị D tổng số tiền 140.000.000 đồng (*một trăm bốn mươi triệu đồng*). Nhưng cả hai bên chưa đạt được thỏa thuận và nội dung trao đổi này giữa hai bên không được lập thành văn bản. Trước đây, chị L đã trả hàng tháng cho chị D số tiền lãi là 13,2%/năm (tức là 2.200.000/tháng/200.000.000đ) và đã trả lãi đến ngày 09/8/2024. Sau đó, chị L không trả gốc và lãi cho chị D.

Lý do chị L chưa trả được nợ cho chị D là do điều kiện làm ăn, kinh tế gặp nhiều khó khăn. Nay chị Lan đề nghị phương án và lộ trình trả nợ như sau:

- Chị L đề nghị chị D không tính tiền lãi.

- Chị L đề nghị thời gian trả nợ:

+ Trường hợp 1: Nếu chị D cũng nhất trí thừa nhận tổng số tiền nợ gốc hiện nay còn lại là 140.000.000 đồng (*một trăm bốn mươi triệu đồng*) thì phương án chị L đưa ra về thời gian trả nợ cho chị D là: Đợt 1 trả 40.000.000 đồng nợ gốc vào ngày 14/02/2026; Đợt 2 trả nợ 50.000.000 đồng nợ gốc vào ngày 25/10/2026; Đợt 3 trả 50.000.000 đồng nợ gốc vào ngày 03/02/2027. Đồng thời chị L đề nghị không trả lãi từ sau ngày 09/8/2024.

+ Trường hợp 2: Nếu chị D yêu cầu tổng số tiền nợ gốc hiện nay còn lại là 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*) thì phương án chị L đưa ra về thời gian trả nợ cho chị D là: Xin trả nợ gốc hàng tháng, mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi thực tế hết nợ. Đồng thời chị L đề nghị không trả lãi từ sau ngày 09/8/2024.

* Ý kiến người làm chứng – Anh Trần Quốc L trình bày: Nhất trí như ý kiến của chị L trình bày và không có ý kiến bổ sung.

* Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn, người làm chứng giữ nguyên ý kiến của mình. Trong quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự đã thừa nhận khoản nợ vay, nhưng không thỏa thuận được với nhau về số tiền lãi, thời gian, lộ trình trả nợ nên không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp:

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi lại tài sản cho vay là tiền, căn cứ vào giấy mượn tiền viết ngày 09/8/2024 giữa hai bên, kể từ ngày hẹn trả nợ đến nay chưa quá 03 năm, đây là tranh chấp phát sinh giữa cá nhân và cá nhân, bị đơn có nơi cư trú tại phường Đ, tỉnh Quảng Trị, nội dung tranh chấp giữa chị Trần Thị Thùy D và chị Mai Thị L quan hệ về giao dịch dân sự “*Vay tài sản*” được quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Trị thụ lý giải quyết là đúng theo quy định pháp luật, và đúng về thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Trị được quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 không tham gia phiên toà. Lý do tài liệu, chứng cứ có ở hồ sơ vụ án do các bên đương sự cung cấp và trình bày, Toà án nhân dân Khu vực 1 không tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ ngoài các chứng cứ nêu trên.

[2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào tài liệu là giấy mượn tiền ngày 09/8/2024 có tại hồ sơ vụ án, các chứng cứ được lập thành vi bằng về nội dung trao đổi giữa các bên trong giao dịch vay nợ, chứng cứ chuyển khoản qua ngân hàng do đương sự xuất trình và lời trình bày của các đương sự, có đủ cơ sở xác định: Việc chị Trần Thị Thùy D khởi kiện yêu cầu chị Mai Thị L chịu trách nhiệm trả cho chị D số tiền gốc còn lại là: 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*) là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì, trong quá trình viết bản tự khai, thông qua các buổi hòa giải, bị đơn chị Mai Thị L thừa nhận vì nhu cầu cá nhân nên có mượn của chị Trần Thị Thùy D số tiền 400.000.000 đồng và sau đó có trả cho chị D số tiền là 200.000.000 đồng. Nội dung vay mượn tiền thể hiện tại Giấy mượn tiền của Mai Thị L lập ngày 09/8/2024 (đây là văn bản tự tay chị L viết lại) với nội dung hẹn đến năm 2027 hoàn trả đủ số tiền trên cho chị D. Nhưng từ ngày 09/8/2024 đến nay, chị L chưa trả thêm cho D bất kỳ khoản nợ gốc và lãi nào, chị D đã nhiều lần đôn đốc trả nợ, nhưng chị L không thực hiện. Lý do bị đơn, chị Mai Thị L chưa trả được nợ cho chị D vì bản thân kinh tế khó khăn và hiện tại tính đến ngày 23/01/2026 chị L thừa nhận còn nợ chị số tiền gốc là 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*).

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền gốc tính đến ngày 23/01/2026 là 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*) và trả tiền lãi kể từ ngày 10/8/2024 đến ngày 23/01/2026 với lãi suất 10%/năm.

Riêng nội dung chị L trình bày là sau khi trao đổi với chị D thì chị L còn nợ chị D 140.000.000đ, tuy nhiên chị L không xuất trình được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho ý kiến của mình là có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Về lãi suất:

Xét thấy, quá trình tham gia tố tụng và tại các buổi hòa giải chị Trần Thị Thùy D yêu cầu trả tiền lãi kể từ ngày 10/8/2024 với mức lãi suất là 10%/năm trên số tiền gốc còn lại là 200.000.000 đồng tính đến ngày 23/01/2026 là phù hợp với quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự. Yêu cầu của chị D là chính đáng cần được chấp nhận để buộc chị L phải trả số tiền lãi là 29.095.890 đồng. Tuy nhiên tại phiên toà

đại diện theo uỷ quyền của chị D yêu cầu chị L trả số tiền lãi là 28.220.000 đồng (tương đương 17 tháng), yêu cầu này của đại diện theo uỷ quyền của chị D là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận buộc chị Mai Thị L phải trả lãi cho chị D với số tiền là 28.220.000 đồng là phù hợp. Tổng cộng chị Mai Thị L phải trả cho chị Trần Thị Thùy D cả gốc và lãi là: 228.220.000 đồng (*trong đó tiền gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi là 28.220.000 đồng*).

[4] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 của bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xét thấy:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung quỹ nhà nước trên tổng số tiền 228.220.000 đồng x 5% = 11.411.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Chị Trần Thị Thùy D không phải chịu án phí, hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí chị Trần Thị Thùy D đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Trần Thị Thùy D.

Buộc bị đơn chị Mai Thị L phải trả cho chị Trần Thị Thùy D tổng số tiền 228.220.000 đồng (*trong đó tiền gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi là 28.220.000 đồng*).

Kể tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (23/01/2026) cho đến khi thi hành án xong nghĩa vụ trả nợ, thì hàng tháng chị Mai Thị L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí Dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn chị Trần Thị Thùy D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho chị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.500.000 đồng (*sáu triệu, năm trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000831 ngày 14/10/2025 của Thi hành án hình sự tỉnh Quảng Trị.

- Bị đơn chị Mai Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 11.411.000 đồng (*mười một triệu, bốn trăm mười một nghìn đồng*) để sung công quỹ nhà nước.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/01/2026) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND Khu vực I- Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Phú Quảng